

Cảm nhận về bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy

Những bài văn mẫu hay nhất chủ đề trình bày Cảm nhận của anh chị về bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy - Văn mẫu lớp 12

Đề bài: Trình bày cảm xúc của anh/ chị về bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy.

Bài làm:

*Bài phát biểu cảm nhận ngắn gọn nhất về bài thơ *Đò Lèn* (Nguyễn Duy)*

Trong phong trào thơ trẻ thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Nguyễn Duy xác lập được một lối đi riêng: không ngang tàng, "bụi bặm" theo kiểu Phạm Tiến Duật, không gân guốc như Nguyễn Đức Mậu hay nghiêm trang như Nguyễn Khoa Điềm, mà nghiêng về quan sát, phân tích đời sống rồi bằng trải nghiệm cá nhân rút ra những triết lí bất ngờ và sâu sắc. Hơi ẩm ồ ờ, Tre Việt Nam,... đều cùng mạch suy tư khởi nguồn từ những điều bé nhỏ. Đọc thơ Nguyễn Duy ta thường bắt gặp những xúc cảm đầm ấm, hồn hậu đã lắng kết trong ta thành kí ức cội nguồn, thành tâm thức văn hoá, như mùi hương tuổi thơ, dầu phăng phát mờ hồ mà không thể nào quên được. *Đò Lèn*, được viết sau ngày đất nước đã im tiếng súng, con người trở lại quỹ đạo của đời sống hoà bình, nhưng ở đây vẫn nguyên vẹn là một Nguyễn Duy đắm sâu triết lí mà thanh thoát nhẹ nhõm trong hơi thơ dân dã tự nhiên, một cái tôi nghệ sĩ có khả năng nối kết từ hồi ức riêng tư đến lịch sử dân tộc.

Bài thơ triển khai kết cấu theo dòng chảy của hoài niệm tuổi thơ, ngọt ngào mà hoá ra xa xót, ngậm ngùi:

- *Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá*

- *Thuở nhỏ tôi lên chơi đền Cây Thị*

rồi giải bày:

- *Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế*

rồi suy tưởng:

- *Tôi trong suốt giữa hai bờ hư - thực*

rồi kể lể:

- *Bom Mỹ giội, nhà bà tôi bay mất*

- *Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại.*

Cảm nhận về bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy

Đại từ "tôi" bé nhỏ, cá nhân, có vẻ âm thầm nữa, không phải cái thế kiêu bạc của người lính chiến "ung dung buồng lái ta ngồi" (Phạm Tiến Duật) mà trĩu nặng những ân tình, những bọc bạch, sẻ chia.

Cái tôi hồi ức, kể lể, giải bày ấy là cầu nối hai mạch thơ, hai tính chất của bài thơ này: mạch tự sự và mạch trữ tình, tính chất "kể lại, phản ánh" (một câu chuyện) và "suy tưởng, chiêm ngẫm, cảm xúc" (những nông sâu lẽ đời). Đó là một kết cấu có thể tìm được ở nhiều bài khác (ví dụ *Bát nước ngô của bà mẹ ở Cam Lộ*, *Bầu trời vương*, *Tiếng đàn bầu*, *Hơi ẩm ổ rơm*). Nét riêng biệt của **Đò Lèn** có lẽ nằm ở những sức níu tương phản: hiện thực (cái đói, chiến tranh) và tâm linh (tiên, Phật, thánh thần), lịch sử và đời thường / cá nhân (bà, tôi). Và điều kì lạ được cảm nhận từ sức mạnh của những tương phản là: cái đói không huỷ diệt được cái đẹp tâm linh trong khi chiến tranh (bom Mĩ giội) thì huỷ diệt được cả tiên, Phật, thánh thần. Nhưng cả đói nghèo lẫn sự tàn khốc của chiến tranh bắt ngờ lại tôn lên sự sống, vững chãi hình ảnh người bà. Do đó, một mặt bài thơ là hiện thực, một hiện thực dữ dội, khủng khiếp ("nhà bà tôi bay mất", "bay tuốt cả chùa chiền", "thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết"), mặt khác cũng là tâm linh ("cứ nghe thơm mùi huệ trắng, hương trầm") và một hình ảnh đời thực: "bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn". Sức mạnh của con người trong đời thực, vượt qua những chấn động lịch sử, sẽ còn ám ảnh hơn cả "mùi huệ trắng, hương trầm". Cảm hứng về cái đẹp (hồi ức tuổi thơ) sẽ dần chuyển sang cảm hứng về cái thường nhật (trong sự đối sánh với cái thiêng - giờ đã bị giải thiêng).

Ngôn ngữ thơ ở *Đò Lèn* giản dị, trong sáng, không một từ nào khó hiểu, nhưng khi đứng cạnh nhau trong một câu thơ, những câu cạnh nhau thành bài thơ, tất cả tạo nên một ám ảnh da diết lạ lùng.

Kí ức về tuổi thơ như ánh chớp loé lên những ấn tượng sống động, hiện hữu: hành động (níu váy bà), thú vui (câu cá, bắt chim sẻ, hái trộm nhãn), mùi hương (mùi huệ trắng, khói trầm), một âm thanh điệu hát chầu văn, một dáng người lão đảo,... Những địa danh công Na, Bình Lâm, chùa Trần, đền Sòng, đền Cây Thị,... thân thuộc với tác giả, cũng không hề xa lạ với bất cứ người dân Việt Nam nào từng sống ở thôn quê.

Nguyễn Duy thật tài tình khi chỉ phác vài nét bút đã có thể làm rõ, chẳng hạn hình ảnh một cậu bé "níu váy bà đi chợ Bình Lâm", "chân đất đi đêm xem lễ đền Sòng"; nhưng tài tình hơn là khả năng làm mờ, làm ảo hoá không gian, bằng và trong ngôn ngữ, ở hai câu thơ đẹp như ảo ảnh:

mùi huệ trắng quện khói trầm thơm lắm

điệu hát văn lão đảo bóng cô đồng.

Ngoài từ "thơm lắm" là một ấn tượng rõ (một xúc cảm ngay thơ) thì mỗi chữ trong hai câu này đều ảo. Mùi huệ thơm, nhưng là mùi thơm "trắng", lại quện với khói trầm trắng đục trở thành mùi hương duy nhất, hương kỉ niệm, hương tuổi hoa niên "thơm lắm",

Cảm nhận về bài thơ Đò Lèn của Nguyễn Duy

không gì thay thế được. Điệu hát vắn là âm thanh, nhưng cũng là hình ảnh cô đồng "lão đảo". Những từ ngữ đều nghiêng về cảm giác, hoặc nhìn ra cái hư ảo : mùi, trắng, quỳên, khói, thơm, bóng, lão đảo,...

Ngữ pháp câu thơ cũng đặc biệt mà nếu thử phân tích chủ - vị hoặc tìm các cách ngắt nhịp sẽ thấy tính chất nhoe mờ của nó. Có rất nhiều đoán định khác nhau từ các khả năng ngữ pháp của hai câu thơ này: mùi huệ trắng là chủ, nhưng cũng có thể "mùi huệ trắng quỳên khói trầm" là chủ, mà "mùi huệ"/"trắng quỳên khói" xem ra vẫn ổn. Cũng vậy, ở câu thứ hai có thể là: (trong) "điệu hát vắn" "lão đảo bóng cô đồng"/"điệu hát vắn" (làm) "lão đảo bóng cô đồng"/"điệu hát vắn" và "bóng cô đồng" cùng "lão đảo",...Câu trên là một hương thơm ảo, màu sắc ảo (hương huệ, hương trầm, màu trắng hoa huệ, màu khói) câu dưới là một hình bóng ảo (cô đồng), một âm thanh ảo (điệu hát vắn), bóng cô đồng lão đảo đi ra từ điệu hát vắn, chứ không phải một cô đồng thật (huống hồ lại là "bóng"!).

Kí ức của nhà thơ làm sống dậy một không gian say người: say vì hương thơm và âm nhạc, say vì một cái gì thuộc về tâm linh, ảo diệu. Một cặp câu thơ tạo không gian "nhập đồng". Và đó là cái nhìn của hồi ức, là nét vẽ của hồi ức, phi lí tính. (Nó cũng giống như khi Nguyễn Duy viết về Đà Lạt một lần trắng:

Trắng ảo ảnh lập lòe trong sương trắng

Ngon gió nhà ai thấp thoáng bên đồi

Tiếng vó ngựa gõ ròn trên dốc vắng

Nghe mơ hồ một tiếng lá thông rơi...

Mỗi câu thơ đều tinh đến từng chữ, mà cái tinh cứ tự nhiên như không chút dụng công.

Những câu lạ của *Đò Lèn* chính là những câu thơ đưa dẫn về phía tâm linh, bằng cảm nhận nguyên sơ của con trẻ:

Tôi trong suốt giữa hai bờ hư - thực

giữa bà tôi và tiên, Phật, thánh, thần

cái năm đôi, củ dong riềng luộc sượng

cứ nghe thơm mùi huệ trắng, hương trầm

"Trong suốt" là một cảm nghiệm tâm linh, hay là một ảo giác, một tín ngưỡng của tâm hồn thơ đại giữa hư - thực, bà - tiên, Phật, thánh, thần ? Thực ra đâu sẽ là hư, đâu là thực ? Người bà cụ thể là thực chăng ? Nhưng cũng là hư khi có bao điều quan trọng mà "tôi đâu biết". Tiên, Phật, thánh, thần,... là hư mà cũng đã từng là thực trong niềm tin tuổi

Cảm nhận về bài thơ Đò Lèn của Nguyễn Duy

nhỏ. Ở đây, những tương phản tạo thành sức ám ảnh của từ ngữ, hình ảnh thơ như hư - như thực, cái hiện thực (củ dong riềng luộc sượng) - cái tâm linh huyền ảo, hay niềm tin lãng mạn vượt lên hiện thực ấy (mùi huệ trắng, hương trầm thơm). Cái đôi là một hiện thực, nhưng nó không giết được cái đẹp. Nó giữ người ta ở trạng thái "trong suốt" - độ trong nhìn xuyên thấu, một trạng thái tồn tại không còn thân thể, một trạng thái hoà nhập tâm linh. Trong suốt chứ không phải trong veo trẻ thơ ("Tiếng ve trong veo xé đôi hồ nước" - Hoàng Nhuận Cầm), không phải trong trắng, trong sạch, trong biếc,... Trong suốt, là một cảm giác tâm linh.

Trong dòng hồi ức của người cháu, hình ảnh người bà là một ám ảnh, một niềm vui, một xa xót, một ăn năn,... Trở lại câu hỏi: Người bà là hiện thực hay là hình ảnh của tâm linh? Nhiều bạn đọc chắc còn nhớ đến người bà tảo tần cùng bếp lửa sưởi ấm tuổi thơ của Bằng Việt:

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

(Bếp lửa)

Và đây, người bà cơ cực như biết bao người bà, người mẹ Việt Nam, trong thơ Nguyễn Duy:

Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế

bà mò cua xúc tép ở đồng Quan

bà đi gánh chè xanh Ba Trại

Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn.

Những địa danh riêng ở đây vẫn đem lại cảm xúc chung về quê hương nguồn cội; người bà tuy là của "tôi" nhưng chẳng hề riêng tư. Chỉ với một từ "thập thững", người đọc đã như nhìn thấy những bước chân già nua trong giá rét: thập thững, không phải chập chững (bước chân của đứa trẻ đặt lên mặt đất từng bước một), như có cả hơi thở dồn. Không hoàn toàn giống đôi chân "Bước cao thấp bên bờ tre hun hút" đầy hốt hoảng trong câu thơ Hoàng Cầm, mà là bước đi thường ngày của người già: bước đi lên - xuống theo nhịp quang gánh trĩu xuống, yếu ớt, bước đi gây cảm thương... Nó thành một từ ám ảnh mà âm thanh khi đọc lên đã tạo sắc thái ý nghĩa. "Tôi đâu biết" là một cái giật mình, một nỗi xa xót, như cái giật mình, xa xót của bao nhiêu người con khi nghĩ về mẹ, về bà - những người đàn bà Việt Nam. Hướng về cuộc đời cơ cực ấy, ngôn ngữ bài thơ cũng chân thực, dung dị. Đó là người bà của đời thường, xa lạ với cái nhìn thi vị, lí tưởng hoá (ý thức này

Cảm nhận về bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy

ở Nguyễn Duy rất mạnh, ông thường khắc hoạ hình tượng mẹ theo cách này: "*Mẹ ta không có yếm đào - Nón mê thay nón quai thao đội đầu - Rối ren tay bí tay bầu - Váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa*").

Đò Lèn còn một hình ảnh về người bà được viên nổi trong không gian hiện thực dữ dội:

*Bom Mỹ giội, nhà bà tôi hay mất
đền Sông bay, bay tuốt cả chùa chiền
thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết
bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn.*

Cách dùng khẩu ngữ và giọng suồng sã của đời sống với lối nói "bay mất", "bay tuốt", "rủ nhau đi đâu hết" mang nét nghĩa mai mỉa càng làm rõ cái khốc liệt của chiến tranh. Tác giả không chỉ tạo một cảm giác "sốc" về sự kiện (bom Mỹ giội), mà còn tạo một cơn "sốc" cảm xúc hẫng hụt ("thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết"),... Chùa chiền, thánh, Phật là huyền thoại, là tín ngưỡng, nhưng cũng vẫn là cái khả biến, hoặc có thể chỉ là cái vỏ của huyền thoại mà tuổi thơ cả tin chẳng thể nhận ra.

Vậy đó, chiến tranh, bom Mỹ và sức tàn phá dữ dội của nó làm người ta thấy rõ: chẳng có gì kì diệu hơn sức mạnh của con người, kì diệu sao là sức mạnh của con người bình thường, bé nhỏ: "Bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn". Bình tâm như không là cái phi thường nhất trong bối cảnh hiện thực bất thường ấy!

Nếu theo mạch cảm hứng của thơ ca thời kháng chiến chống đế quốc Mỹ, có thể hình ảnh này sẽ khơi nguồn cho một huyền thoại mới: huyền thoại về con người. (Chẳng hạn, như đã từng thấy trong thơ Tố Hữu một mẹ Tom "Bóng mẹ ngồi trông vọng nước non", "Sông trong cát chót vọt trong cát - Những trái tim như ngọc sáng ngời"; một mẹ Suốt "Ngắt đầu mái tóc mẹ rung - Gió lay như sóng biển tung trắng bờ",...). Nhưng Nguyễn Duy không dừng ở cảm hứng khẳng định sức mạnh kì diệu của con người, không nhập vào dòng huyền thoại để ngợi ca, dù hình ảnh người bà bán trứng ở ga Lèn xứng đáng là một trong những hình ảnh khắc ghi sâu đậm về con người Việt Nam trong cảnh "bom Mỹ giội" gợi triết lí về cái đời thường và cái lịch sử, cái khả biến và bất biến,... Khổ cuối cùng của bài thơ vẫn đọng kết một nỗi buồn sâu, buồn lâu và một suy ngẫm phổ quát về những kiếp người bình dị, vô danh:

*Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại
dòng sông xưa vẫn bên lở, bên bồi
khi tôi biết thương bà thì đã muộn*

Cảm nhận về bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy

bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi.

Cách kể "Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại" tưởng như lời tự sự bình thường, nhưng ngẫm ra, nó chất chứa trong đó cả một quá khứ, nén dồn thời gian dằng dặc của một cuộc chiến tranh, những nén dồn tâm trạng, vì con người bị cuốn theo dòng chảy lịch sử, không được sống với đời thường.

Nhiều người đã biết đến cái "nắm cỏ khâu xanh rì" như một triết lí buồn về thân phận con người ("Trăm năm nào có gì đâu - Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì" - Cung oán ngâm khúc), hay cái nắm đất "sè sò" của Nguyễn Du bên con đường dập dìu bước chân trai thanh gái lịch như định mệnh dành cho kẻ "hồng nhan đa truân" ("Sè sè nắm đất bên đường - Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh" - Truyện Kiều). Ở *Đò Lèn* của Nguyễn Duy, cái "nắm cỏ khâu" kia, cái "nắm đất sè sò" ấy, tròn nhỏ lại thành "nắm cỏ" ám ảnh hơn vì nó Việt Nam hơn, và càng ám ảnh khi đặt nó vào dòng thác cuộn chảy của lịch sử. Thiên nhiên thì vẫn vậy "dòng sông xưa vẫn bên lở, bên bồi", chỉ có con người đã thành hư vô. Những cuộc biến thiên dâu bể tác động mạnh không chỉ đến một dân tộc, đến những cái thuộc về tín ngưỡng của dân tộc, không chỉ làm bay mất cả đền chùa miếu mạo mà cụ thể hơn, máu thịt hơn, nó hằn dấu lên kí ức con người, lên thân phận con người. Từ cách nhìn đó, bài thơ tưởng chừng rất cá nhân (cá nhân đến từ cái nhan đề *Đò Lèn*) lại mang đậm một cảm hứng lịch sử, một cách nhìn lịch sử, một sự "nhận thức lại lịch sử". Nằm trong mạch suy ngẫm đó, những tác phẩm tự sự sẽ có tiếng nói lớn hơn (chẳng hạn *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh hay một số truyện ngắn mượn chất liệu lịch sử của Nguyễn Huy Thiệp,...). Tuy nhiên, thơ "nói nhỏ", nói nhẹ và buồn nhưng thấm thía theo cách riêng.

Chuyện thánh thần bay mất... vừa có ý nghĩa tố cáo tội ác kẻ thù (vì tàn phá đến cả tín ngưỡng thiêng liêng) vừa hoá giải huyền thoại của một niềm tin ngây thơ, nông nổi (những cái đó mà cũng "bay mất", "bay tuột") - nhất là khi ngôn từ thơ đầy chất suông sã, hài hước thì cảm giác hoá giải huyền thoại càng rõ, vừa để khẳng định sức sống của những con người bình thường như "bà tôi" vừa giã từ ảo tưởng về quyền năng thần thánh. Cuối cùng, "bà tôi" cũng như bao con người xứng đáng là huyền thoại ấy lại trở về với "nắm cỏ" vô danh, khiêm nhường, nhỏ bé mà vĩnh hằng. Người ta vốn chỉ quen nhớ lịch sử theo những dấu mốc sự kiện; còn những phần chìm lấp, dễ bị lãng quên, những cá nhân nhỏ bé sẽ được ai nhớ đến nếu không phải thơ ca, không phải nghệ thuật? Cái buồn ở bài thơ để lại ấn tượng đậm nét hơn cái đẹp, cái lãng mạn tâm linh, nhưng hoàn toàn có cơ sở để tin rằng thánh thần, chùa chiền có thể bay mất, riêng cái mùi hương trầm, huệ trắng vẫn sẽ thơm mãi trong kí ức con người - đó là một sức mạnh tâm linh không gì huỷ diệt được.

Quả là sức nén, sức ám ảnh của một bài thơ, có thể đáng sợ hơn một tiểu thuyết, điều này không phải là một cách nói ngoa.

Cảm nhận về bài thơ Đò Lèn của Nguyễn Duy

Hai bài văn được điểm cao trong các kì thi lớp 12

Bài tham khảo số 1:

Cuộc sống có những điều được gọi là nỗi nhớ, cứ xa xôi vô hình; có những hình ảnh được gọi là hoài niệm mãi miên man, dang dở; và có những tình cảm được gọi là yêu thương luôn âm nồng sâu sắc mà thường đi xa rồi người ta mới biết cách gọi tên chúng. Ta gọi chúng như là hoài niệm, là nỗi nhớ, yêu thương ...

Cuộc đời người ngắn ngủi như chiếc lá, thoáng chốc thôi cũng đủ để mầm non chuyển sắc vàng. Người ta lớn lên, bon chen nhau mà sống để rồi biết bao lần lại tìm về tuổi thơ trong những nỗi nhớ xa xôi như thế. Với Nguyễn Duy đó lại là cả một thế giới của "Đò Lèn" – nơi lắng kết những giá trị vĩnh hằng – bài thơ mà cái tên thôi đã gọi lên giữa lòng người nhiều suy nghĩ. Những người đã biết sẽ thấy quen thuộc nhưng những người không biết lại dễ phân vân: cái gì là "Đò Lèn"? Hai tiếng ấy vô tình trở thành một khái niệm khó hình dung trong khi thực chất nó lại vô cùng giản dị. Nó không phải là con đò, là dòng sông, bến nước hay cái gì đó chợt nảy ra khi lần đầu nghe đến. Đò Lèn là tên một miền đất như bao miền đất khác, nơi đã tạo nên tuổi thơ, hình thành hoài niệm trong bao lớp người xứ Thanh Hóa:

Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá

núu váy bà đi chợ Bình Lâm

bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật

và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần

Tuổi thơ được tác giả gọi lên với hình ảnh của bà, với những trò chơi thuở nhỏ. Ở đó có cậu nhóc nào ham chơi mãi mê câu cá, có cô bé nào nũng nịu: núu váy bà ra chợ mua quà. Cái cống Na và chợ Bình Lâm hẳn đã là cả một thiên đường của nhà thơ. Ông viết nó giản dị và chân thật như vừa đem từ cuộc sống vào chứ không chỉ từ một nỗi nhớ thôi. Nào là đi bắt chim sẻ, rồi đi ăn trộm nhãn của chùa,... được lang thang trên đồng ruộng, trong những ngôi chùa, khu vườn rộn ràng tiếng chim kêu. Không gian mở ra rộng lớn và mệnh mông thỏa mãn tính hiếu động, đam mê khám phá của tuổi nhỏ, đưa chúng hòa nhập vào thiên nhiên, đất trời. Được chơi đùa, được nghịch ngợm thoải mái mới thấy hết niềm thích thú vô tận. Đó thật sự là tuổi thơ đúng nghĩa, khác hẳn với không gian nhỏ bé bao quanh bởi 4 bức tường chật hẹp bây giờ. Ta có thể hình dung ra trước mắt là hình ảnh một cậu bé tinh nghịch, lấm lem nhưng mắt sáng ngời. Không có quần áo đẹp, không có búp bê, siêu nhân, những tuổi thơ như thế hôm nay chỉ còn phảng phất trong nỗi nhớ người trưởng thành, trong ánh mắt lạ lẫm háo hức của trẻ con khi xem phim, đọc truyện ngày trước - cái thời của ba, của ông mình. Đoạn thơ như một cuốn phim quay chậm miên man, dang dở trôi đi:

Cảm nhận về bài thơ Đò Lèn của Nguyễn Duy

Thuở nhỏ tôi lên chơi đèn Cây Thị

chân đất đi đêm xem lễ đèn Sòng

mùi huệ trắng quyện khói trầm thơm lắm

điệu hát văn lảo đảo bóng cô đồng

Trở về tuổi thơ ta nhận ra niềm hạnh phúc ngây thơ, trong sáng với đôi chân nhỏ bé thoăn thoắt khắp nơi, ru mình trong làn hương và điệu hát. Bàn "chân đất" đã trở thành hình ảnh không thể nào quên đối với mỗi người, cái cảm giác được trực tiếp chạm chân vào đất mát lạnh đến vô cùng, nó ghi dấu hành trình những đêm lễ xa xôi. Và cũng như thế, mùi huệ trắng, làn khói trầm, điệu hát văn đã đi vào từ vô thức! Tất cả chúng góp phần hình thành tuổi thơ đầy hồn nhiên, tinh nghịch trong tâm hồn mỗi người đã đi qua tuổi thơ, nhiều khi phải xin "cho tôi một vé đi tuổi thơ".

Từ ngày ấy đến bây giờ là cả một quá trình con người lớn lên, hình thành nhận thức. Ngày còn nhỏ vô tư, không lo nghĩ:

Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế

bà mò cua xúc tép ở đồng Quan

bà đi gánh chè xanh Ba Trại

Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn

Bà hiện lên trong cuộc sống của cháu lặng lẽ, âm thầm... Cái đầu non nớt và trái tim nhỏ dại đâu biết thế nào là nỗi cơ cực, nhìn mọi việc rồi cũng sớm quên đi. Không trách được bởi lẽ trẻ con đâu thể sâu sắc như người lớn mà hoặc giả có sâu sắc thì tâm hồn đã chai sạn đi rồi đâu còn là trẻ con với nét thơ dại - cái thơ dại được ấp ủ bằng mồ hôi và nước mắt bà. Yêu thương cao thượng giúp cho tâm hồn tránh những bão dông.

Ngày còn nhỏ, yêu bà là yêu những câu chuyện cổ tích lung linh huyền ảo:

Tôi trong suốt giữa hai bờ hư thực

giữa bà tôi và tiên, Phật, thánh, thần

Bà thổi vào tâm hồn non nớt cái hồn dân tộc bao thế kỉ trong dân gian. Truyện bà kể lung linh sắc màu cổ tích, mang cháu đến với thế giới của những phép màu kì diệu: Cô Tấm chui ra từ quả thị, Lọ Lem sánh duyên cùng hoàng tử. Bà có mái tóc bạc phơ, có nụ cười hiền như bà tiên trong truyện kể. Bà dọa cháu rằng chần tinh rất dữ, bảo cháu phải nghe lời,... Nhiều, và nhiều lắm... Chính những câu chuyện đã giúp cháu biết yêu cái

Cảm nhận về bài thơ Đò Lèn của Nguyễn Duy

thiện, ghét điều ác, có ước mơ và hy vọng. Thỉnh thoảng, tìm về tuổi thơ là tìm đến những điều như vậy, nghe lòng mình kể lại lời bà ám áp. Tâm hồn sẽ được thanh lọc và trong sáng hơn. Cái ranh giới hư thực trong suốt như chính tuổi thơ con người vậy. Dễ tin, dễ nhớ và cũng dễ quên.

Lớn lên một chút cũng là lúc phải đối mặt với hiện thực, cái đời trở thành nỗi ám ảnh triền miên:

cái năm đời, củ dong riềng luộc sượng

cứ nghe thơm mùi huệ trắng, hương trầm

Đọc câu thơ ta bỗng nhớ về khoảng thời gian:

Năm ấy là năm đời mòn đời mới

Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy

Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu

Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!

Nạn đời những năm 45 như một nỗi kinh hoàng rải khắp đất nước. Củ dong, củ riềng cũng thành bạn, sượng sùng nhưng đáng nhớ, đáng thương. Mùi huệ trắng hương trầm cũng phảng phất như cái thoáng trở về bình yên... Những đứa trẻ ngây thơ mơ về một mùi hương đã lắng sâu vào đất, tâm hồn, thân thuộc và rất đời bình dị. Đời kém không làm mờ đục tấm lòng trong sáng của trẻ thơ mà ngược lại nó còn gợi nên những mơ ước, cảm tình thâm kín nhưng đáng yêu.

Còn lại gì giữa nỗi nhớ cái bình yên ngày trước? Nó có là hoài niệm thương đau, chua xót?

Bom Mỹ gọi, nhà bà tôi bay mất

đền Sòng bay, bay tuốt cả chùa chiền

thánh với phật rủ nhau đi đâu hết

bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn

Quê hương ngày khốc liệt in sâu vào tiềm thức khi mà những hình ảnh sự vật thân thuộc bị hủy hoại. Bom đạn không chỉ phá nát đất quê hương mà còn xóa nhòa đi tuổi thơ tươi đẹp. Bên cạnh không gian thiên đường thuở nào là đổ nát, hoang tàn. Nhà bà, đền, chùa, tất cả tan biến đi dường như quá nhanh đối với những đứa trẻ chưa kịp lớn hoàn

Cảm nhận về bài thơ Đò Lèn của Nguyễn Duy

toàn. "thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết " lay dậy niềm xót xa, như khẽ chạm vào vết đau nhạy cảm. Cái boăn khoăn hết sức trẻ con lại là niềm đau trong lòng người hiểu chuyện như bà. Không còn quá ngây thơ, có lẽ lũ trẻ hôm nào đã hiểu được cái nguyên cớ đằng sau nó. Nhưng như chưa tin vào chính mình nên mới thành nỗi băn khoăn chưa dám hỏi. Không còn nữa thánh, Phật mơ hồ, huyền diệu, thực tế dữ dội đối lập lại hoàn toàn. Còn bà vẫn vậy, lam lũ tháng ngày: "Bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn".

Khi lớn lên, con người nhận thức được đầy đủ hơn, làm thành một hành trình trở về man mác:

Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại

dòng sông xưa vẫn bên lở, bên bồi

khi tôi biết thương bà thì đã muộn

bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi.

Tình cảm tập trung hướng về bà, con người lam lũ ngập tràn yêu thương. Bà nuôi lớn cháu để hôm nay cháu trở về đây chững chạc, đàng hoàng. Cháu đã và đang là một người lính bảo vệ mảnh đất này, bảo vệ những tuổi thơ như cháu ngày xưa. Chút gì là hối tiếc, yêu thương muộn màng. Đời người mấy ai mà vẹn tròn tất cả ! Con sông kia cũng bên lở bên bồi như người vậy. Bảo rằng đã muộn nhưng chưa bao giờ là quá muộn cả. Yêu thương đâu cần biểu hiện rõ, cháu lớn lên thành người đã là cách thương bà tuyệt diệu nhất. Giờ đây đứng trước mộ bà những vật vờ hy sinh ngày xưa càng trở nên thâm thía. Bà đã đi mang theo tất cả những điều đẹp nhất của tuổi thơ cháu bình yên trong khó nhọc. Mất đi không phải là kết thúc. Bà không còn- cháu lớn lên cống hiến cho đất nước, đó là cách tiếp nối sự sống đầy ý nghĩa. Nắm cỏ của bà chôn chặt mọi niềm đau, giữ lại miền ký ức trong sáng cho con người tìm về lúc mỏi mệt.

Đất nước mình có biết bao người bà như thế! Bà là hiện thân cho phụ nữ Việt Nam hiền hậu, tảo tần hôm sớm. Những ngày đất nước chiến tranh, bà thay cha mẹ nuôi nấng con cháu, giữ cho cháu trọn vẹn một tuổi thơ. Đâu đâu ta cũng nghe nhắc về bà như một hình ảnh thiêng liêng nhất. Người bà đi vào trái tim mỗi người như một lẽ tự nhiên, là miền ký ức vĩnh hằng :

"Tiếng gà trưa

Mang bao nhiêu hạnh phúc

Đêm cháu về nằm mơ

Giấc ngủ hồng sắc trứng."

Cảm nhận về bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy

Bà, tuổi thơ và những hình ảnh thân thuộc bình dị trong cuộc sống tạo nên giá trị cao đẹp nhất. Đi tìm đâu cái xa xôi khi mà hạnh phúc luôn song hành trong cuộc đời mỗi người. Nó là tình yêu thương vô điều kiện, là những tháng ngày vui chơi thỏa thích. Chúng như mảng màu rực rỡ chiếu sáng tâm hồn, hướng con người về chỗ cái đẹp, cái thiện căn: "Nhân chi sơ tính bổn thiện".

Cùng với bà, quê hương Đò Lèn hiện lên sống động giữa tuổi thơ chan hòa. Nó hiện diện trong cái nghịch ngợm thiếu thời, trong từng giấc mơ trẻ thơ, là nơi con người vẫy vùng, ngụp lặn. Mảnh đất khi thanh bình, lúc đau đớn oằn mình vì đạn bom nhưng lúc nào cũng phảng phất hương huệ thơm ngát, cái thứ hương vị đã trở thành đặc trưng tồn tại giữa tiềm thức. Đò Lèn của cống Na, chùa Trần, con sông 2 bờ bồi lở, cái tên mộc mạc mà chân tình thiết tha. Đò Lèn – nơi đó có bà, có cháu, có tất cả hoài niệm yêu thương tồn tại vĩnh hằng cùng nỗi nhớ!

Bài tham khảo số 2:

Điều quý giá nhất đối với mỗi người có thể khác nhau, song quan trọng nhất là ta biết trân trọng và gìn giữ giá trị ấy như thế nào. Thật vậy, đối với Nguyễn Duy, tình cảm gia đình, đặc biệt là tình cảm bà cháu luôn là một ký ức đẹp trong tim. Qua *Đò Lèn*, tác giả đã bộc lộ những suy nghĩ sâu lắng về bà gắn liền với sự tĩnh ngộ, nhận ra được tình thương vô bờ mà bà dành cho cháu.

Nhà thơ đã thể hiện hình ảnh của người bà qua sự hồi nhớ:

Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế

bà mò cua xúc tép ở đồng Quan

bà đi gánh chè xanh ở Ba Trại

Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn....

Đó là tất cả những cơ cực, vất vả mà người bà đã tảo tần nuôi đứa cháu. Trong cái đói, cái khổ của thời xưa, nổi bật lên trên ấy chính là hình ảnh lam lũ của bà. "Bà mò cua xúc tép", đó là những việc làm hàng ngày để kiếm cái ăn chăm lo cho con cháu. Ẩn hiện trong câu thơ hình ảnh bà còng lưng, nhằn nạy mò cua bắt ốc, không quản khó nhọc để niềm vui ánh lên trong những đôi mắt thơ ngây của cháu khi có miếng ăn... Thế nhưng xúc động hơn cả là hình ảnh bà đi gánh chè đêm đêm. Cái khó cái khổ đè nặng trên đôi vai gầy của bà, thể hiện trong từng bước chân "thập thững". Chi tiết đó đủ khắc họa lên được bao nhiêu nhọc nhằn, khó khăn của đời bà. Bước thấp bước cao lần đi trong "những đêm hàn" buốt giá, bà trở nên bé nhỏ, liêu xiêu, nhưng chất đầy sự thương yêu đối với con cháu, để làm nên một sức mạnh có thể chống chọi được với gió đêm, để có thể tiếp tục làm việc nuôi cháu. Bà hiện lên với sự mảnh mai, nhỏ bé nhưng trên đôi vai bà gánh

Cảm nhận về bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy

chè rong như gánh cả một gia đình, một tương lai của con cháu. "Mò cua xúc tép", "gánh chè xanh" là cả một cuộc sống vất vả mưu sinh. Tuy tác giả không nói đến, nhưng hình ảnh người bà hiện lên in đậm dấu thời gian. Một người bà chịu thương chịu khó bền bỉ trong cuộc sống lam lũ, khuya sớm tảo tần. Để rồi từ đó tác giả thể hiện niềm xót xa, ái ngại cho bà. Qua hình ảnh ấy ta nhận ra đâu đó thoáng chút hình ảnh người mẹ thân thương ở thi phẩm *Bên kia sông Đuống*:

Mẹ già lại quẩy gánh hàng rong

Bước cao thấp bên bờ tre hun hút

...

Đường trơn mưa lạnh mái đầu bạc phơ...

Cũng từ trong ướm lạnh sương gió, người mẹ hiện từ với hình ảnh "bước thấp bước cao", nhọc nhằn trên đôi vai mẹ gánh hàng rong mong kiếm được miếng ăn, tất cả cuộc sống và tương lai của các con phụ thuộc vào gánh hàng rong của mẹ. Không biết bao nhiêu người con sông Đuống đã lớn lên sau gánh hàng rong ấy. Để rồi từ đó hình ảnh người bà, người mẹ hiện lên với đức hi sinh và tâm lòng bao dung to lớn.

Thế nhưng, nhà thơ nói đến những điều ấy với tâm trạng "Tôi đâu biết..." khắc họa được những nghẹn ngào trong câu nói. Đó là cả một tuổi thơ nghịch ngợm, vô tư và hồn nhiên gắn với những trò chơi, trò đùa nghịch của trẻ con như câu cá, theo bà đi chợ, bắt chim, ăn trộm nhãn, chơi đèn, xem lễ... Thế nhưng để cháu được như thế, bà đã phải nhọc nhằn như thế nào. Qua đó thể hiện sự vô tư đến vô tâm, vô tính của người cháu. Phải chăng lúc ấy cháu còn thơ bé để ngẫm đến những cực khổ của bà!

Tôi trong suốt giữa hai bờ hư – thực

giữa bà tôi và tiên, Phật, thánh, thần

cái năm đôi, củ dong riềng luộc sượng

cứ nghe thơm mùi huệ trắng, hương trầm....

"Trong suốt" khắc họa nên sự vô tư, ngây thơ, hồn nhiên của tác giả lúc bé. "Hai bờ hư – thực", hai thế giới khác nhau. Một thế giới hiện hữu với tất cả tình yêu thương của bà, và thế giới hư ảo, vô thực của những "tiên, Phật, thánh, thần", những câu chuyện cổ tích... Nhà thơ không sống tất cả vì hiện tại, vì tình thương của bà, mà mãi bận mơ về những chuyện hư ảo. Điều đó cho thấy tác giả sống với thế giới hư và thế giới thực lẫn lộn với nhau. Để rồi hai câu thơ sau nhấn mạnh mức độ của sự lẫn lộn ấy: những mùi hương cứ trộn lẫn lại với nhau. Hiện thực khó khăn "năm đôi" làm người bà càng phải khổ cực hơn nữa. Cậu bé nhỏ khi ấy chỉ biết vui chơi chứ chưa biết nghĩ đến bà mình, lại

Cảm nhận về bài thơ Đò Lèn của Nguyễn Duy

không nhận ra giá trị "củ dong riềng luộc sượng" vất vả bà kiếm được, không biết thương bà, vô tâm, vô tính trước nỗi cơ cực của bà... Để rồi sau này, khi tác giả đã lớn, đã trưởng thành, đã nhận ra được tình yêu thương của bà dành cho mình, đã biết thương yêu bà thì bà chỉ còn là nắm cỏ:

Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại

dòng sông xưa vẫn bên lở, bên bồi

khi tôi biết thương bà thì đã muộn

bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi....

Lúc này cháu đã trưởng thành trong nhận thức về cuộc đời, không còn sống trong niềm tin về sự gần gũi, tương đồng giữa hai thế giới thực và ảo, mà đã "đi lính", đã biết cảm sùng chống lại cái ác cái xấu. Quê hương vẫn còn đấy, những địa danh vẫn còn lưu giữ những kỉ niệm tuổi thơ, "dòng sông xưa vẫn bên lở bên bồi", nhưng hình bóng của bà thì không còn nữa. Sự thức tỉnh gắn liền với sự ân hận bởi lúc cháu biết thương bà thì cơ hội đền đáp đã không còn. Chính sự tỉnh ngộ ấy khiến cho tình thương bà càng tức tưởi xót xa vì tất cả đã quá muộn màng...

Thật vậy, trong cuộc đời mỗi con người, ai cũng có điều đáng để hối tiếc. Nhưng quan trọng nhất phải biết sống sao cho trọn vẹn với tất cả, nhất là những người thân yêu của mình. Đừng để khi có tình thương ấy mà không nhận ra, không biết gìn giữ, không biết trân trọng với những gì mình đang có cũng như để những thương yêu ta phải buồn lòng; mà mãi mê mong muốn, theo đuổi những giá trị xa vời để rồi khi nó mất đi ta mới biết thương, biết quý thì tất cả cũng đã quá trễ, quá muộn...